



Thanh Hóa, ngày 10 tháng 7 năm 2017

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH**  
**6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN NĂM 2017**  
*(Tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh khóa XVII)*

Nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước (NSNN) 6 tháng đầu năm 2017 được triển khai trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, thị trường tài chính tiền tệ ổn định; tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn tồn tại một số khó khăn, thách thức, các yếu tố tác động không thuận của hội nhập quốc tế, sự thích ứng của doanh nghiệp còn chậm, giá nhiều hàng hóa cơ bản ở mức thấp, diễn biến bất thường của biến thời tiết, tác động xấu đến phát triển kinh tế - xã hội, từ đó ảnh hưởng đến nguồn thu của NSNN.

Với sự nỗ lực phấn đấu cao của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, nhiệm vụ tài chính - NSNN 6 tháng đầu năm 2017 cơ bản theo đúng dự toán và tiến độ triển khai thực hiện, thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ nợ đến hạn và đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đảm bảo an sinh xã hội. Kết quả cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

**A. Thu NSNN, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2017.**

**I. Kết quả thu NSNN trên địa bàn:**

Dự toán thu NSNN năm 2017 là 13.512.000 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng là 5.524.472 triệu đồng, đạt 41% dự toán giao, bằng 93% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 13.714.000 triệu đồng, đạt 101% so với dự toán.

**1. Thu nội địa:** Dự toán thu 2017 là 9.312.000 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng là 4.924.472 triệu đồng, đạt 53 % dự toán và bằng 89% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 10.514.000 triệu đồng, đạt 113% so với dự toán.

**1.1. Thu tiền sử dụng đất**

Dự toán giao thu 1.800.000 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng là 1.540.490 triệu đồng, đạt 86% dự toán, bằng 141% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 3.300.000 triệu đồng, đạt 183% so với dự toán.

Phần điều tiết NS tỉnh (sau khi loại trừ số ghi thu, ghi chi) thì số thực thu vào ngân sách 6 tháng là 126.095 triệu đồng, đạt 63% dự toán, ước cả năm đạt 100% dự toán.

**1.2. Thu xổ số kiến thiết**

Dự toán giao thu 12.000 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng là 5.139 triệu đồng, đạt 43% dự toán, bằng 91% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 12.000 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán.

### 1.3. Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất, thu sở xố kiến thiết:

Dự toán giao thu 7.500.000 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng là 3.378.843 triệu đồng, đạt 45% dự toán tính giao và bằng 76% so với cùng kỳ (năm 2016, thu 6 tháng đầu năm đạt 52% so với dự toán). Ước thực hiện cả năm là 7.202.000 triệu đồng, đạt 96% so với dự toán, nếu loại trừ 538 tỷ đồng phần thu ngân sách trung ương từ dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, thì đạt 103% so với dự toán (7.202 tỷ đồng/6.962 tỷ đồng).

#### a) Nhóm đạt, vượt dự toán:

- Thu từ DN nhà nước TW: Ước thực hiện 6 tháng là 648.243 triệu đồng, đạt 39% dự toán tính giao, bằng 86% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 1.670.000 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán.

- Thu thuế công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh: Ước thực hiện 6 tháng là 644.632 triệu đồng, đạt 47% dự toán tính giao, bằng 105% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 1.380.000 triệu đồng, đạt 101% so với dự toán.

- Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện 6 tháng là 469.443 triệu đồng, đạt 71% dự toán tính giao, bằng 99% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 800.000 triệu đồng, đạt 121% so với dự toán.

- Thuế bảo vệ môi trường: Ước thực hiện 6 tháng là 382.905 triệu đồng, đạt 56% dự toán tính giao, bằng 116% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 780.000 triệu đồng, đạt 114% so với dự toán.

- Tiền thuê mặt đất, mặt nước: Ước thực hiện 6 tháng là 105.220 triệu đồng, đạt 53% dự toán tính giao, bằng 87% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 240.000 triệu đồng, đạt 120% so với dự toán.

- Thu phí, lệ phí: Ước thực hiện 6 tháng là 86.559 triệu đồng, đạt 54% dự toán tính giao, bằng 165% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 180.000 triệu đồng, đạt 113% so với dự toán.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Ước thực hiện 6 tháng là 15.376 triệu đồng, đạt 40% dự toán tính giao, bằng 119% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 38.000 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán.

- Thu khác ngân sách: Ước thực hiện 6 tháng là 162.220 triệu đồng, đạt 48% dự toán tính giao, bằng 121% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 430.310 triệu đồng, đạt 127% so với dự toán.

- Thu tại xã: Ước thực hiện 6 tháng là 32.661 triệu đồng, đạt 23% dự toán tính giao, bằng 93% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 157.000 triệu đồng, đạt 112% so với dự toán.

#### b) Nhóm dự kiến hụt thu:

- Thu DN có vốn đầu tư nước ngoài: Ước thực hiện 6 tháng là 490.521 triệu đồng, đạt 36% dự toán tính giao, bằng 33% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 770.110 triệu đồng, đạt 57% so với dự toán.

- Lệ phí trước bạ: Ước thực hiện 6 tháng là 236.548 triệu đồng, đạt 35% dự toán tính giao, bằng 79% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 540.000 triệu đồng, đạt 79% so với dự toán.

- Thu từ DN nhà nước ĐP: Ước thực hiện 6 tháng là 104.515 triệu đồng, đạt 48% dự toán tính giao, bằng 84% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm là 216.580 triệu đồng, đạt 99% so với dự toán.

### **2. Các khoản thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu**

Dự toán giao 4.200.000 triệu đồng, ước thực hiện 6 tháng là 600.000 triệu đồng, đạt 14% dự toán tính giao và bằng 143% so với cùng kỳ; chủ yếu là từ các thiết bị, vật tư thay thế của một số doanh nghiệp có dự án đầu tư (Xi măng Công Thanh, Nhà máy ô tô Veam, Công ty xi măng Bim Sơn, Công ty TNHH Hoàng Phát Vissai,...). Ước thực hiện cả năm là 3.200.000 triệu đồng, đạt 76% so với dự toán.

*(Chi tiết tại Phụ lục số 1 kèm theo)*

### **3. Tình hình thu ngân sách ở các huyện, thị xã, thành phố:**

Tổng thu 6 tháng khối huyện ước thực hiện là 2.921.991 triệu đồng, bằng 73% dự toán năm. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, đạt 1.381.501 triệu đồng, bằng 62% dự toán.

Có 23/27 huyện tiến độ thu cân đối đạt từ 50% trở lên so với dự toán. Nguyên nhân tăng thu đạt khá là do các huyện, các xã tích cực trong việc đôn đốc thu hồi nợ đọng tiền sử dụng đất, tập trung các nguồn lực trên địa bàn để thực hiện xây dựng nông thôn; điển hình là các huyện: Nông Cống (110%), Thạch Thành (106%), Thiệu Hóa (97%), TP Thanh Hóa (81%),...

Có 4/27 huyện đạt dưới 50%, là các huyện: Hà Trung (49%), Đông Sơn (44%), Triệu Sơn (46%), Quan Sơn (37%).

*(Chi tiết tại Phụ lục số 2 kèm theo)*

### **4. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách:**

#### **4.1. Đánh giá chung:**

Năm 2017 có nhiều yếu tố tác động trực tiếp đến kết quả thu NSNN, tiến độ thu đạt thấp so với dự toán. Mặc dù các ngành, các cấp đã chủ động tăng cường trong công tác phối hợp, tập trung chỉ đạo ngay từ những tháng đầu năm kế hoạch, quán triệt và tổ chức tốt các giải pháp chỉ đạo, điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán năm 2017, nhưng kết quả thu 6 tháng có nhiều chỉ tiêu đạt thấp so với cùng kỳ như: Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, lệ phí trước bạ, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu.

#### **4.2. Nguyên nhân tác động đến kết quả thu NSNN:**

##### **a) Nguyên nhân tác động tích cực đến thu NSNN:**

- Sự quan tâm chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả, trong đó tích cực thu hồi nợ đọng các nguồn thu từ đất.

- Thực hiện dán tem đồng hồ công tơ cột xăng dầu trên địa bàn tỉnh góp phần chống thất thu trong lĩnh vực thuế bảo vệ môi trường.

- Thực hiện khấu trừ 2% thuế GTGT đối với thanh toán vốn XDCB bằng nguồn NSNN và vốn ODA chịu thuế GTGT trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện đơn đốc, thu hồi kịp thời các khoản thu phải nộp giúp giảm nợ đọng thuế.

- Việc thực hiện mức phí, lệ phí mới góp phần tăng thu phí, lệ phí.

b) Nguyên nhân tác động làm giảm thu ngân sách:

- Thuế nhà thầu tại Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn giảm và dự kiến cuối năm Nhà máy mới đi vào hoạt động nên khoản thu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với sản phẩm xăng sẽ kê khai vào quý I năm sau (dự kiến hụt thu 538 tỷ đồng), đồng thời việc nhập khẩu nguyên liệu đang thực hiện đấu thầu nên chưa quyết định được nguyên liệu mua trong nước hay nhập khẩu nên số dự kiến thu từ nguồn dầu thô nhập khẩu sẽ không đạt dự toán (hụt thu 1.350 tỷ đồng).

- Dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2 quý 1/2018 mới khởi công nên 2017 không phát sinh thuế nhà thầu (dự kiến hụt thu 50 tỷ đồng).

- Do thay đổi phương pháp nộp thuế GTGT của Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn 1, trước đây nộp thuế GTGT tỷ lệ 2% trên doanh thu, từ 01/4/2017 theo Nghị định 10/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nhưng do thuế đầu vào chiếm tỷ trọng cao (tiền than chiếm gần 87% chi phí đầu vào) nên số thuế nộp bị giảm (dự kiến hụt thu 40 tỷ đồng).

- Tổng công ty Thuốc lá VN giao chỉ tiêu sản lượng thuốc lá cho Công ty TNHH 1TV thuốc lá Thanh Hóa năm 2017 thay đổi về cơ cấu (giảm thuốc lá có giá trị cao, tăng thuốc lá có giá trị thấp) nên số thuế nộp bị giảm (dự kiến hụt thu 50 tỷ đồng).

- Do tâm lý người tiêu dùng chờ đến sau thời điểm ngày 01/01/2018 mới mua sắm ô tô (thuế nhập khẩu từ khu vực mậu dịch tự do ASEAN xuống 0%) dẫn đến số thu lệ phí trước bạ giảm so với cùng kỳ (dự kiến hụt thu 150 tỷ đồng).

*Tình hình trên cho thấy, 6 tháng đầu năm thu ngân sách có nhiều sự biến động không thuận lợi, việc thực hiện thu NSNN các tháng cuối năm 2017 dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn và cần phải tập trung để khai thác nguồn thu, thu hồi thuế nợ đọng để bù đắp lại các nguồn thu cân đối ngân sách tỉnh như lệ phí trước bạ, giảm thu từ Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1, 2 và để hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn.*

## **II. Về chi NSDP 6 tháng đầu năm 2017:**

### **1. Kết quả thực hiện:**

Tổng chi NSDP ước thực hiện 6 tháng là 11.850.144 triệu đồng, đạt 48% so với dự toán. Ước thực hiện cả năm là 25.706.597 triệu đồng, đạt 104% dự toán (tăng 4% do thực hiện các chính sách và nhiệm vụ Trung ương bổ sung).

Chi tiết từng lĩnh vực như sau:

1.1. Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện 6 tháng là 2.341.365 triệu đồng, đạt 68% dự toán giao đầu năm.

1.2. Chi thường xuyên: Ước thực hiện 6 tháng là 8.960.225 triệu đồng, đạt 48% dự toán. Trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: Ước thực hiện 6 tháng là 1.175.715 triệu đồng, đạt 52% dự toán.

- Chi sự nghiệp môi trường: Ước thực hiện 6 tháng là 148.121 triệu đồng, đạt 36% dự toán.
- Chi sự nghiệp GD-ĐT dạy nghề: Ước thực hiện 6 tháng là 3.799.498 triệu đồng, đạt 46% dự toán.
- Chi sự nghiệp y tế: Ước thực hiện 6 tháng là 1.057.817 triệu đồng, đạt 49% dự toán.
- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: Ước thực hiện 6 tháng là 21.524 triệu đồng, đạt 38% dự toán.
- Chi sự nghiệp VH-TT-TDTT-PTTH: Ước thực hiện 6 tháng là 174.425 triệu đồng, đạt 39% dự toán.
- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: Ước thực hiện 6 tháng là 737.522 triệu đồng, đạt 53% dự toán.
- Chi quản lý hành chính: Ước thực hiện 6 tháng là 1.685.530 triệu đồng, đạt 50% dự toán.
- Chi quốc phòng địa phương: Ước thực hiện 6 tháng là 100.325 triệu đồng, đạt 48% dự toán.
- Chi sự nghiệp an ninh địa phương: Ước thực hiện 6 tháng là 38.886 triệu đồng, đạt 32% dự toán.

1.3. Chi nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu ước thực hiện 6 tháng là 501.191 triệu đồng, bằng 26% so với dự toán.

1.4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 3.230 triệu đồng, đạt 100% dự toán.

*(Có biểu chi tiết số 3 kèm theo)*

## **2. Đánh giá tình hình thực hiện chi NSDP 6 tháng đầu năm.**

### **2.1. Một số kết quả đạt được:**

#### **a) Chi Đầu tư XDCB:**

- Ngay từ đầu năm đã thực hiện phân bổ và thông báo vốn đầu tư XDCB trong cân đối, vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu cho các dự án; tạo điều kiện cho các chủ đầu tư có nguồn kinh phí để sớm triển khai thực hiện dự án (tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách tỉnh là 1.416 tỷ đồng, đã giao 1.186 tỷ đồng, đạt 83% kế hoạch, vốn còn lại chưa giao 230 tỷ đồng).

- Việc phân bổ vốn đã tập trung ưu tiên thanh toán nợ đọng XDCB nhằm khắc phục tình trạng nợ XDCB kéo dài. Đến nay, về cơ bản đã xử lý xong nợ XDCB từ 2011 trở về trước và xử lý được 72% số nợ XDCB từ năm 2012 đến 2014 (3.151/4.407 tỷ đồng).

- Công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đã được quan tâm chỉ đạo; việc lập và nộp báo cáo quyết toán của các chủ đầu tư đã có nhiều tiến bộ, các chủ đầu tư đã chú trọng đến việc lập và báo cáo quyết toán của các dự án, công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, chất lượng hồ sơ báo cáo quyết toán đảm bảo.

#### **b) Chi thường xuyên:**

Năm 2017 là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2017 được tổ chức quản lý chặt chẽ và theo đúng các quy định mới về phân cấp ngân sách và định mức phân bổ đã được ban hành. Các

ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao, đáp ứng các nhiệm vụ chi được giao trong dự toán. Việc quản lý, kiểm tra, giám sát chi tiêu ngân sách được tăng cường, đảm bảo chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng chế độ, chính sách của Trung ương, tỉnh đã ban hành.

- Đối với các chương trình thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội chưa phân bổ trong dự toán đầu năm là 2.279 tỷ đồng cho 32 chương trình, chính sách; đã thực hiện phân bổ 22 chương trình, chính sách, chiếm 66% kế hoạch vốn; còn lại 10 chương trình, chính sách chưa thực hiện phân bổ với kinh phí là 783.170 triệu đồng, chiếm 34% kế hoạch vốn.

Việc phân bổ kinh phí đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng và phù hợp với quy định hiện hành, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Một số chính sách đầu thời kỳ ổn định như: chính sách phát triển nông nghiệp, chính sách phát triển giao thông nông thôn, chính sách xây dựng nông thôn mới, chính sách xóa đói giảm nghèo,... các ngành đã xây dựng tiêu chí phân bổ theo nguyên tắc công bằng, minh bạch, công khai. Trên cơ sở tiêu chí phân bổ, các ngành, địa phương đã tích cực triển khai các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình mục tiêu của Trung ương, của tỉnh nhằm thúc đẩy sản xuất, phát huy hiệu quả nguồn vốn NSNN đưa dòng tiền vào sản xuất, lưu thông, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu về KT-XH.

6 tháng đầu năm, đã triển khai thực hiện: Chính sách miễn giảm thủy lợi phí (hỗ trợ 340.143 ha diện tích tưới tiêu với kinh phí 371 tỷ đồng); chính sách khuyến khích tái cơ cấu ngành nông nghiệp (hỗ trợ 35,1 km kênh mương, 33,7km giao thông nội đồng, 1.790 ha diện tích thâm canh lúa, 58.000m<sup>2</sup> sản xuất trong nhà lưới, hạ tầng 7 khu trang trại chăn nuôi quy mô lớn,... với kinh phí 121 tỷ đồng); chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng vật nuôi (hỗ trợ 455 ha diện tích sản xuất hạt giống lúa lai F1 và 1.273 ha diện tích hạt giống lúa thuần chất lượng, lưu giữ đàn lợn giống ông bà 1.870 con,... với kinh phí 16,8 tỷ đồng); CTMTQG xây dựng nông thôn mới (hỗ trợ 310 công trình xây dựng, phát triển mô hình sản xuất và duy tu bảo dưỡng công trình phúc lợi cho 571 xã, ... với kinh phí 617 tỷ đồng);...

- Đối với nhóm các chế độ, chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội: ngay từ đầu năm đã được tạm cấp nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán, góp phần ổn định đời sống người dân trên địa bàn.

Thực hiện mua thẻ BHYT cho 1.763.316 đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dưới 06 tuổi,... (997 tỷ đồng); trợ cấp cho 196.700 đối tượng bảo trợ xã hội (867 tỷ đồng); tặng 102.602 suất quà cho người có công nhân dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu (12 tỷ đồng); hỗ trợ tiền điện cho 122.543 hộ nghèo, hộ chính sách (58 tỷ đồng); hỗ trợ tiền ăn trưa cho 65.013 trẻ em 3-5 tuổi (77 tỷ đồng); cấp bù miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho 361.026 đối tượng ( 116 tỷ đồng);... Việc cấp ứng và tổng hợp quyết toán được chi tiết đến từng đối tượng với Trung ương để bổ sung và cấp phát theo cơ chế của Trung ương ban hành; nghiên cứu để tiếp tục mở rộng việc hợp đồng với cơ quan bưu điện chi trả như chính sách bảo trợ xã hội.

- Các cơ quan, địa phương đã thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên ngay từ khâu phân bổ dự toán và trong quá trình thực hiện.

- Dự phòng ngân sách: Được quản lý chặt chẽ theo quy định của Luật NSNN, 6 tháng đầu năm các cấp thực hiện 44.133 triệu đồng, đạt 10% dự toán, trong đó cấp tỉnh chi 193 triệu đồng (hỗ trợ khôi phục sản xuất cho ngư dân gặp rủi ro do thiên tai gây ra), cấp huyện chi 43.940 triệu đồng (*có phụ lục số 4 kèm theo*).

## **2.2. Một số tồn tại, bất cập và nguyên nhân:**

### **a) Về chi đầu tư XDCCB:**

- Đối với CTMTQG do Trung ương phân bổ và ban hành văn bản hướng dẫn chậm, dẫn đến giải ngân chưa cao, thực hiện 6 tháng 110 tỷ đồng, bằng 11% dự toán.

- Một số huyện và phần lớn cấp xã chưa thật sự coi trọng công tác quản lý và xử lý nợ đọng XDCCB, chưa xác định rõ trách nhiệm của từng chủ đầu tư trong việc phát sinh nợ XDCCB nên vẫn phát sinh nợ XDCCB.

- Công tác hoàn ứng vốn đầu tư tuy có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn một số dự án thu hồi ứng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với những dự án có số dư ứng lớn, dư ứng lâu từ năm 2014 về trước. Tính đến ngày 31/5/2017, tổng số dư ứng là 1.785 tỷ đồng, bằng 4,7% kế hoạch vốn giao; trong đó, dư ứng kế hoạch vốn năm 2014 trở về trước là 189 tỷ đồng (*chi tiết theo phụ lục số 5 kèm theo*).

Nguyên nhân do công tác bồi thường GPMB ở một số dự án còn chậm, kéo dài đã tác động đến tiến độ thi công và thu hồi hoàn ứng; một số dự án đã hết thời gian hợp đồng, đã thanh lý hợp đồng; một số nhà thầu chưa tích cực phối hợp để hoàn thành các thủ tục thanh, quyết toán, hoàn ứng vốn kịp thời,...

### **b) Chi thường xuyên:**

Mặc dù các ngành đã rất tích cực trong việc hướng dẫn, phân bổ các chương trình mục tiêu trung ương và địa phương nhưng do 2017 là năm đầu thực hiện thời kỳ ổn định ngân sách mới nên các chính sách có sự thay đổi về nội dung, tiêu chí phân bổ, công tác chuẩn bị của các địa phương, đơn vị và các ngành chủ quản còn lúng túng hoặc các đối tượng được hưởng chính sách chưa đủ điều kiện nên đến hết 30/6 còn một số chính sách chưa đủ điều kiện phân bổ, giao vốn gồm: Đề án xây dựng tỉnh thông minh (483 tỷ); chính sách hỗ trợ các địa phương xử lý rác thải bằng công nghệ lò đốt và đối ứng thực hiện các dự án ô nhiễm môi trường theo Quyết định 58/QĐ-TTg (65 tỷ); kinh phí trung tu, tôn tạo các di tích địa phương (37 tỷ); kinh phí hỗ trợ sản xuất vụ đông (10 tỷ); chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân tộc vùng ĐBKK phát triển sản xuất (27 tỷ); kinh phí sửa chữa, nâng cấp trạm y tế xã (17 tỷ); hỗ trợ thu hút cán bộ giảng viên mới cho phân hiệu Đại học Y Hà Nội (8 tỷ); mở rộng, hoàn thiện cơ sở vật chất Trường ĐH Hồng Đức và Trường ĐH Văn hóa (80 tỷ); chính sách phát triển công nghiệp và thương mại (37 tỷ); chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh (18 tỷ).

*Nhìn chung, hoạt động tài chính - ngân sách 6 tháng đã góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển, góp phần ổn định an ninh chính trị, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo các hoạt động thường xuyên của bộ máy nhà nước các cấp.*

## **B. Giải pháp hoàn thành dự toán năm 2017:**

### **I. Nhiệm vụ thu, chi NSNN 6 tháng cuối năm:**

#### 1. Nhiệm vụ thu nội địa:

- Nhiệm vụ thu nội địa theo dự toán:	4.388 tỷ đồng.
+ Thu tiền sử dụng đất:	260 tỷ đồng.
+ Thu nội địa trừ đất:	4.128 tỷ đồng.
- Mục tiêu phấn đấu tăng 10% so với dự toán:	6.639 tỷ đồng.
+ Thu tiền sử dụng đất:	1.760 tỷ đồng.
+ Thu nội địa trừ đất:	4.879 tỷ đồng.

Trong đó, thu tiền sử dụng đất tăng 83% so với dự toán, thu nội địa còn lại phấn đấu tăng 10% so với dự toán; tập trung rà soát để tăng thu ở các lĩnh vực có khả năng phấn đấu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương; doanh nghiệp nhà nước địa phương; khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh; tiền thuê mặt đất, mặt nước; thuế tài nguyên; phí bảo vệ môi trường; lệ phí trước bạ nhà đất;...

2. Tổng chi NSDP 6 tháng cuối năm: 13.856 tỷ đồng.

### **II. Giải pháp hoàn thành dự toán:**

1. Tập trung tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Luật Thuế; Nghị quyết của Quốc hội và của tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

#### **2. Triển khai quyết liệt công tác thu NSNN, phấn đấu hoàn thành và vượt dự toán được giao:**

- Thành lập Ban chỉ đạo đơn đốc thu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2017. Đầu mối, làm việc với Tổng công ty Thuốc lá VN, Tổng công ty Bia - Rượu- Nước giải khát Hà Nội để được giao tăng chỉ tiêu cho các nhà máy sản xuất tại Thanh Hóa.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác dán tem đồng hồ công tơ cột xăng dầu trên địa bàn tỉnh, đánh giá kết quả thu phí bảo vệ môi trường sau khi dán tem, thực hiện cơ chế phối hợp, hậu kiểm sau khi dán tem niêm phong.

- Rà soát và quản lý chặt chẽ các khoản thu, nhất là thu qua hình thức khoán, thu lệ phí trước bạ từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thu từ xây dựng cơ bản, thu từ các doanh nghiệp nhà nước và lĩnh vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh; mở rộng cơ sở thuế (kể cả đối tượng và căn cứ tính thuế); kiểm soát chặt chẽ giá tính thuế hải quan, nhất là những mặt hàng có giá trị lớn, thuế suất cao như: Ô tô (bao gồm cả ô tô được biểu, tặng), hàng mỹ phẩm, hàng tạm nhập tái xuất;...

- Triển khai thực hiện Đề án thí điểm quản lý thuế hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản; áp dụng thí điểm phần mềm nhật ký điện tử và hỗ trợ công



tác quản lý trong hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên đề đối với doanh nghiệp có hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản, kinh doanh tài nguyên; định kỳ hàng quý thông báo kết quả thu ngân sách (bao gồm cả số doanh nghiệp mới thành lập trên địa bàn phân cấp cho chi cục thuế quản lý) cho chính quyền UBND các huyện, thị xã, thành phố để chỉ đạo, điều hành thu ngân sách.

- Tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế; định kỳ công khai trên truyền thông các doanh nghiệp nợ thuế; giao chỉ tiêu thu nợ gắn với đánh giá thi đua, phân đấu số nợ thuế đến ngày 31/12/2017 giảm xuống dưới 5% so với số thực thu NSNN 2017; thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế đối với các đơn vị nợ thuế từ 10 triệu đồng trở lên; đôn đốc kịp thời các khoản thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, kết luận của cơ quan thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật. Thực hiện các giải pháp phù hợp để đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản phát sinh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, kiểm tra sau thông quan, tập trung vào các doanh nghiệp, lĩnh vực, mặt hàng trọng điểm, có rủi ro cao, nâng tỷ lệ số doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra thuế trong năm 2017; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, gian lận thuế, trốn thuế để không phát sinh nợ đọng mới. Định kỳ công bố công khai trên truyền thông các doanh nghiệp có thành tích tốt trong nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

### **3. Khai thác có hiệu quả nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền cho thuê mặt đất, mặt nước:**

Rà soát công nợ và tiếp tục làm tốt các giải pháp thu tiền nợ đọng; rà soát tiền thuê đất trên địa bàn từng huyện, cập nhật vào hệ thống phần mềm quản lý để công khai và đôn đốc thu kịp thời vào ngân sách. Đối với các dự án còn vướng về GPMB, đầu tư hạ tầng, các địa phương cần chỉ đạo quyết liệt, làm việc cụ thể với nhà đầu tư, có cam kết về tiến độ GPMB, đầu tư hạ tầng và tiến độ nộp tiền sử dụng đất. Đối với các dự án còn nợ quá hạn tiền sử dụng đất, các địa phương thực hiện thu hồi diện tích trúng đấu giá tương ứng với số nợ quá hạn. Cục Thuế thực hiện biện pháp cưỡng chế thu thuế theo quy định.

### **4. Điều hành, quản lý chi ngân sách chủ động, chặt chẽ, trong phạm vi dự toán được giao, sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm đảm bảo cân đối ngân sách:**

- Các ngành, các cấp chủ động sắp xếp, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm dự toán chi ngân sách đã được giao. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra các khoản chi ngân sách trong phạm vi quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đảm bảo sử dụng vốn NSNN đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chế độ, chính sách đối với người có công; đóng kịp thời, đúng, đủ các khoản bảo hiểm xã hội phát sinh nhằm bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

- Các địa phương phân đấu tăng thu để chủ động cân đối nguồn thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và thực hiện các nhiệm vụ quan trọng cần thiết phát sinh.

- Tập trung tháo gỡ vướng mắc, khó khăn để đẩy nhanh tiến độ giao kế hoạch vốn và tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2017. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đầu tư; nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Tăng cường công tác quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn NSNN, xử lý vi phạm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành.

**5. Tăng cường quản lý vốn ứng đầu tư XDCB, kiểm soát và xử lý nợ đọng XDCB:**

- Các Chủ đầu tư thực hiện nghiêm quy định của Luật đầu tư công và Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm không để nợ đọng XDCB mới phát sinh; các cấp ngân sách chủ động xây dựng phương án, giải pháp bố trí kế hoạch vốn với lộ trình cụ thể để xử lý các khoản nợ đọng thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình, huy động các nguồn vốn, tập trung ưu tiên xử lý dứt điểm số nợ đọng XDCB.

- Các chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc quy định ứng vốn và hoàn trả vốn ứng. UBND các huyện, thị xã, thành phố phải tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác GPMB phục vụ các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn để bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư đúng quy định.

Đối với dự án có dư ứng đã lâu và số dư ứng lớn phải khẩn trương thực hiện các thủ tục để hoàn ứng, nhất là các khoản tạm ứng từ năm 2014 trở về trước. Trường hợp chủ đầu tư không có báo cáo định kỳ công tác thu hồi tạm ứng, không thực hiện hoàn ứng mà không có giải trình nguyên nhân, đề nghị tạm dừng quan hệ tạm ứng thanh toán đối với dự án đó. Đối với dự án chậm hoàn ứng từ 12 tháng trở lên (chưa hoàn ứng lần nào), đề nghị tạm dừng quan hệ tạm ứng thanh toán đối với tất cả các dự án do Chủ đầu tư đó quản lý. Đối với các nhà thầu chậm hoàn ứng từ 12 tháng trở đi mà không phải do nguyên nhân khách quan, đề nghị hạn chế hoặc không cho nhà thầu đó tham gia đấu thầu đối với các gói thầu, dự án đầu tư công khác do tỉnh quản lý.

**6. Chuẩn bị tốt kế hoạch tài chính trung hạn 3 năm và dự toán ngân sách năm 2018:** Các địa phương, đơn vị phải khẩn trương xây dựng dự toán chi năm 2018 đảm bảo bao quát hết nhiệm vụ, đầy đủ cơ sở pháp lý và dự toán chi tiết để sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán có thể triển khai ngay từ đầu năm (đặc biệt là các chương trình mục tiêu trung ương, địa phương) và hạn chế phát sinh các nhiệm vụ phải bổ sung trong năm.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm và giải pháp thực hiện dự toán năm 2017, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh./.

**UBND TỈNH THANH HÓA**

## BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN TỈNH THANH HÓA 6 THÁNG NĂM 2017

(Kèm theo báo cáo thu NSNN, chi NSDP 6 tháng năm 2017)

ĐVT: trđ

TT	Nội dung	DT thu năm 2017				Ước thu NSNN 6 tháng	So sánh 6 tháng		Ước thu năm 2017				So sánh ƯTH cả năm/DT giao
		Tổng	Phân chia				ƯTH/DT giao	Ước TH/cùng kỳ	Tổng	Phân chia			
			NSTW	NS địa phương						NSTW	NS địa phương		
				NS cấp tỉnh	NS cấp H, X						NS cấp tỉnh	NS cấp H, X	
	<b>Tổng thu NSNN (A+B)</b>	<b>13.512.000</b>	<b>5.340.500</b>	<b>4.618.120</b>	<b>3.553.380</b>	<b>5.524.472</b>	<b>41%</b>	<b>93%</b>	<b>13.714.000</b>	<b>3.903.833</b>	<b>4.702.530</b>	<b>5.107.637</b>	<b>101%</b>
<b>A</b>	<b>Thu nội địa (I+II)</b>	<b>9.312.000</b>	<b>1.140.500</b>	<b>4.618.120</b>	<b>3.553.380</b>	<b>4.924.472</b>	<b>53%</b>	<b>89%</b>	<b>10.514.000</b>	<b>703.833</b>	<b>4.702.530</b>	<b>5.107.637</b>	<b>113%</b>
<b>I</b>	<b>Thu tiền sử dụng đất</b>	<b>1.800.000</b>		<b>200.000</b>	<b>1.600.000</b>	<b>1.540.490</b>	<b>86%</b>	<b>141%</b>	<b>3.300.000</b>		<b>233.023</b>	<b>3.066.977</b>	<b>183%</b>
<b>II</b>	<b>Thu xổ số kiến thiết</b>	<b>12.000</b>		<b>12.000</b>		<b>5.139</b>	<b>43%</b>	<b>91%</b>	<b>12.000</b>		<b>12.000</b>		<b>100%</b>
<b>III</b>	<b>Thu N.địa trừ TSD đất, XS</b>	<b>7.500.000</b>	<b>1.140.500</b>	<b>4.406.120</b>	<b>1.953.380</b>	<b>3.378.843</b>	<b>45%</b>	<b>76%</b>	<b>7.202.000</b>	<b>703.833</b>	<b>4.457.507</b>	<b>2.040.660</b>	<b>96%</b>
1	Thu từ DN nhà nước TW	1.668.400		1.644.400	24.000	648.243	39%	86%	1.670.000	19.579	1.625.794	24.628	100%
2	Thu từ DN nhà nước ĐP	219.300		216.800	2.500	104.515	48%	84%	216.580	517	211.643	4.420	99%
3	Thu từ DN có vốn ĐT NN	1.344.000	538.000	804.750	1.250	490.521	36%	33%	770.110	3.474	699.462	67.173	57%
	<i>TD: Thu từ Nhà máy lọc dầu</i>	<i>538.000</i>	<i>538.000</i>										
4	Thu thuế CTN&DV NQD	1.363.300		571.967	791.333	644.632	47%	105%	1.380.000	9.105	580.378	790.517	101%
5	Thuế thu nhập cá nhân	662.000		503.000	159.000	469.443	71%	99%	800.000		635.794	164.206	121%
6	Thuế SD đất phi NN	38.000		3.424	34.576	15.376	40%	119%	38.000		7.230	30.770	100%
7	Tiền thuê mặt đất mặt nước	200.000		129.087	70.913	105.220	53%	87%	240.000		109.931	130.069	120%
8	Lệ phí trước bạ	680.000		109.200	570.800	236.548	35%	79%	540.000		74.586	465.414	79%
9	Thu phí, lệ phí	160.000	27.000	28.349	104.651	86.559	54%	165%	180.000	27.375	41.893	110.732	113%
10	Thu khác NS	340.000	145.500	140.143	54.357	162.220	48%	121%	430.310	164.147	170.433	95.730	127%
11	Thu tại xã	140.000			140.000	32.661	23%	93%	157.000			157.000	112%
12	Thuế bảo vệ môi trường	685.000	430.000	255.000		382.905	56%	116%	780.000	479.635	300.365		114%
<b>B</b>	<b>Thu từ hoạt động XN khẩu</b>	<b>4.200.000</b>	<b>4.200.000</b>			<b>600.000</b>	<b>14%</b>	<b>143%</b>	<b>3.200.000</b>	<b>3.200.000</b>			<b>76%</b>
1	Thuế XNK, TTĐB, BVMT hàng NK	900.000	900.000			250.000	28%	152%	500.000	500.000			56%
2	Thuế VAT hàng nhập khẩu	3.300.000	3.300.000			350.000	11%	136%	2.700.000	2.700.000			82%

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NSNN, CHI NSDP 6 THÁNG NĂM 2017 CỦA CÁC HUYỆN, THỊ, TP**  
(Kèm theo báo cáo thu NSNN, chi NSDP 6 tháng năm 2017)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên huyện	Thu ngân sách nhà nước								SS ước TH/DT(%)		Chi NS huyện		
		Dự toán thu NSNN tính giao	Trong đó			Ước thực hiện 6 tháng	Trong đó			Tổng thu NSNN	Thu NSNN đã loại trừ thu tiền SDD	Dự toán NSHX tính giao	Ước thực hiện chi NS huyện 6 tháng	SS ước TH/DT (%)
			Thu tiền SDD	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác	Thu tại xã		Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác	Thu tại xã					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=5/1	10	11	12	13
	<b>Tổng số</b>	<b>4.015.247</b>	<b>1.800.000</b>	<b>2.075.247</b>	<b>140.000</b>	<b>2.921.991</b>	<b>1.540.490</b>	<b>1.348.840</b>	<b>32.661</b>	<b>73%</b>	<b>62%</b>	<b>13.376.448</b>	<b>8.202.602</b>	<b>61%</b>
1	TP. Thanh Hóa	1.489.344	690.000	790.344	9.000	1.202.436	572.737	627.460	2.239	81%	79%	1.348.173	1.053.662	78%
2	TX. Sầm Sơn	221.534	120.000	97.034	4.500	121.021	75.100	44.938	983	55%	45%	420.763	211.685	50%
3	TX. Bim Sơn	174.680	25.000	146.980	2.700	86.469	1.510	82.697	2.262	50%	57%	204.751	117.685	57%
4	H. Hà Trung	114.450	60.000	46.450	8.000	56.206	21.655	33.239	1.312	49%	63%	415.182	221.798	53%
5	H. Nga Sơn	188.131	110.000	70.831	7.300	128.784	91.552	36.535	697	68%	48%	550.742	340.625	62%
6	H. Hậu Lộc	104.631	60.000	39.131	5.500	91.912	66.114	25.385	413	88%	58%	562.730	360.860	64%
7	H. Hoằng Hóa	191.259	110.000	68.759	12.500	207.604	184.378	21.965	1.261	109%	29%	733.741	573.359	78%
8	Quảng Xương	141.815	85.000	51.315	5.500	88.015	62.322	23.461	2.232	62%	45%	614.163	281.416	46%
9	H. Tĩnh Gia	238.708	90.000	142.708	6.000	124.339	46.524	75.821	1.994	52%	52%	776.574	427.150	55%
10	Nông Cống	85.162	40.000	37.862	7.300	93.970	61.315	30.794	1.861	110%	72%	513.977	353.852	69%
11	H. Đông Sơn	87.509	46.000	38.409	3.100	38.501	20.474	17.524	503	44%	43%	279.427	204.253	73%
12	H. Triệu Sơn	115.631	50.000	59.631	6.000	53.443	27.923	24.936	584	46%	39%	596.410	324.077	54%
13	H Thọ Xuân	160.546	80.000	66.046	14.500	129.337	72.619	50.749	5.969	81%	70%	729.556	473.400	65%
14	H. Yên Định	161.389	70.000	76.889	14.500	98.516	52.194	43.127	3.195	61%	51%	505.025	325.032	64%
15	H. Thiệu Hóa	100.580	56.000	37.280	7.300	97.605	73.398	23.432	775	97%	54%	448.304	286.222	64%
16	H. Vĩnh Lộc	49.835	21.000	25.835	3.000	42.725	26.233	16.231	261	86%	57%	318.689	221.916	70%
17	Thạch Thành	50.556	16.000	27.556	7.000	53.411	33.084	18.437	1.890	106%	59%	522.388	262.435	50%
18	H. Cẩm Thủy	57.223	15.000	34.723	7.500	31.583	8.316	21.187	2.080	55%	55%	412.223	211.854	51%
19	H. Ngọc Lặc	52.830	18.000	31.530	3.300	28.846	10.819	16.756	1.271	55%	52%	512.909	251.556	49%
20	H. Lang Chánh	10.918		10.818	100	7.390	36	7.354		68%	67%	267.438	177.707	66%
21	H. Bá Thước	28.648	5.000	23.048	600	23.802	2.077	21.566	159	83%	92%	495.796	277.934	56%
22	H. Quan Hóa	17.034		16.684	350	12.546		12.546		74%	74%	307.989	172.007	56%
23	Thường Xuân	48.836	11.000	37.586	250	27.550	5.584	21.966		56%	58%	517.092	291.325	56%
24	H. Như Xuân	43.693	8.000	34.993	700	24.606	1.622	22.558	426	56%	64%	357.315	218.443	61%
25	H. Như Thanh	51.609	14.000	36.309	1.300	36.118	21.497	14.581	40	70%	39%	420.306	235.715	56%
26	H. Mường Lát	6.621		6.421	200	7.074	446	6.628		107%	100%	255.499	150.482	59%
27	H. Quan Sơn	22.075		20.075	2.000	8.182	961	6.967	254	37%	33%	289.286	176.152	61%

## BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2017

(Kèm theo báo cáo thu NSNN, chi NSDP 6 tháng năm 2017)

Đơn vị tính : triệu đồng

TT	Chi tiêu	Tổng nguồn năm 2017	Dự toán			ƯTH lũy kế 6 tháng	N.vụ còn lại 6 tháng cuối năm	So sánh	
			Dự toán đầu năm	TW bổ sung	Nguồn 2016 chuyển sang			ƯTH/DT đầu năm	ƯTH/tổng nguồn
	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>25.706.597</b>	<b>24.627.609</b>	<b>582.496</b>	<b>496.492</b>	<b>11.850.144</b>	<b>13.856.453</b>	<b>48%</b>	<b>46%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>3.441.300</b>	<b>3.441.300</b>			<b>2.341.365</b>	<b>1.099.935</b>	<b>68%</b>	<b>68%</b>
1	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước	1.416.800	1.416.800			800.875	615.925	57%	57%
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.800.000	1.800.000			1.540.490	259.510	86%	86%
-	Chi bổ sung Quỹ phát triển đất	45.000	45.000			45.000		100%	100%
-	Chi trả nợ Ngân hàng phát triển	120.000	120.000			70.000	50.000	58%	58%
-	Trả nợ vốn vay ODA	35.000	35.000			25.000	10.000	71%	71%
3	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT	12.000	12.000				12.000		
4	Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	212.500	212.500				212.500		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>19.746.478</b>	<b>18.794.501</b>	<b>512.489</b>	<b>439.488</b>	<b>8.960.225</b>	<b>10.786.253</b>	<b>48%</b>	<b>45%</b>
1	Chi sự nghiệp kinh tế	2.419.860	2.246.340	136.686	36.834	1.175.715	1.244.145	52%	49%
2	Sự nghiệp môi trường	456.057	413.143		42.914	148.121	307.937	36%	32%
3	Chi SN Giáo dục - Đào tạo dạy nghề	8.499.002	8.242.508	9.500	246.994	3.799.498	4.699.504	46%	45%
4	Chi SN Y Tế	2.403.778	2.179.145	212.976	11.657	1.057.817	1.345.961	49%	44%
5	SN KH công nghệ	56.000	56.000			21.524	34.477	38%	38%
6	Chi SN VHTT-TDĐT-PTTH	451.047	447.924		3.123	174.425	276.622	39%	39%
7	Chi SN đảm bảo XH	1.628.161	1.404.528	125.952	97.681	737.522	890.640	53%	45%
8	Chi quản lý hành chính	3.404.227	3.376.788	27.375	64	1.685.530	1.718.697	50%	50%
9	Chi quốc phòng địa phương	207.430	207.209		221	100.325	107.106	48%	48%
10	Chi an ninh địa phương	122.772	122.772			38.886	83.886	32%	32%
11	Chi khác NS	98.144	98.144			20.864	77.280	21%	21%
<b>III</b>	<b>Bổ sung quỹ DTTC</b>	<b>3.230</b>	<b>3.230</b>			<b>3.230</b>		<b>100%</b>	<b>100%</b>
<b>IV</b>	<b>Dự phòng NS</b>	<b>510.514</b>	<b>446.620</b>	<b>10.591</b>	<b>53.303</b>	<b>44.133</b>	<b>466.381</b>	<b>10%</b>	<b>9%</b>
<b>V</b>	<b>Chi nguồn TW bổ sung có mục tiêu</b>	<b>2.005.075</b>	<b>1.941.958</b>	<b>59.416</b>	<b>3.701</b>	<b>501.191</b>	<b>1.503.884</b>	<b>26%</b>	<b>25%</b>
1	TW bổ sung vốn sự nghiệp (giao sau)	60.680	60.680			10.547	50.133	17%	17%
2	TW bổ sung vốn đầu tư	868.662	868.662			379.429	489.233	44%	44%
3	KP cắm mốc	4.960	4.960			1.130	3.830	23%	23%
4	CTMTQG	1.070.773	1.007.656	59.416	3.701	110.085	960.689	11%	10%
-	Vốn đầu tư	718.847	683.598	35.249		58.500	660.347	9%	8%
-	Vốn thường xuyên	351.926	324.058	24.167	3.701	51.585	300.341	16%	15%

## TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo báo cáo thu NSNN, chi NSDP 6 tháng năm 2017)

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Dự toán	Quyết định phân bổ		
			Số QĐ	Ngày QĐ	Số tiền
1	Tổng nguồn dự phòng ngân sách	308 108			
2	Đã thực hiện	193			
-	KP khôi phục sản xuất cho ngư dân Thị xã Sầm Sơn gặp rủi ro do thiên tai gây ra năm 2017		573/QĐ-UBND	24/2/2017	16
-	KP hỗ trợ ngư dân huyện Hậu Lộc gặp rủi ro do thiên tai trên biển năm 2017		2046/QĐ-UBND	14/6/2017	177
3	Còn lại	307 915			

**DỰ ỨNG VỐN KẾ HOẠCH TỪ NĂM 2014 TRỞ VỀ TRƯỚC**  
(Kèm theo báo cáo thu NSNN, chi NSDP 6 tháng năm 2017)

DVT: Triệu đồng.

Số TT	Tên dự án	Lũy kế dự ứng	Trong đó		Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án)
			Dự ứng vốn KH năm 2014	Dự ứng vốn KH năm 2013 trở về trước	
1	2	3=4+5	4	5	7
	<b>Tổng số</b>	<b>189.093</b>	<b>150.140</b>	<b>38.953</b>	
1	Bệnh viện đa khoa Thạch Thành	4	4	0	BVĐK Thạch Thành
2	TTCS ,PHCN cho người tâm thần và ng rối nhiễu tâm trí khu vực miền núi Thanh Hóa	36		36	Sở Lao Động& TBXH
3	Đường cơ động trong khu căn cứ hậu phương của tỉnh.	39		39	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
4	Dự án CHI-01 (Đường hầm sở chỉ huy thống nhất tỉnh ủy)	40		40	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
5	Tu bổ, nâng cấp tuyến đê tả Sông mã đoạn từ Km28-Km44+350	85	85	0	UBND huyện Hoằng Hóa
6	Đ giao thông xã Nam Tiến Quan Hóa	100	100		UBND huyện Quan Hóa
7	Hệ thống đường phục vụ sản xuất lâm nghiệp, phát triển rừng và bảo vệ phòng cháy rừng (Lang Chánh)	119		119	UBND huyện Lang Chánh
8	Nâng cấp đường tỉnh 517 từ cầu Trầu (Đông Tân đến Nưa) Triệu Sơn	157	157	0	Sở GTVT Thanh Hóa
9	Mở rộng nâng cấp đường Hồi Xuân - Tén Tàn (Ban giải phóng mặt bằng huyện Mường Lát chủ đầu tư)	169	169		UBND huyện Mường Lát
10	Dự án ổn định đời sống, phát triển kinh tế xã hội đồng bào Mông (2007)	210	210		UBND huyện Mường Lát
11	Đập, mung Chiêng xã Tam Chung, huyện Mường Lát.	315		315	UBND huyện Mường Lát
12	Tiêu thoát lũ Sông Nhom Thanh Hóa (Địa bàn Nông Cống)	440	440	0	UBND huyện Nông Cống
13	Đê hữu Sông Mã đoạn K44-K51+500 Thành phố T. Hoá	455	168	286	UBND Thành Phố
14	Khu Tái định cư hải Bình (Giai đoạnI)	457		457	Ban QL Khu KTNS
15	Nâng cấp đê hữu Sông mã đoạn K40+742-K44+00, TP Thanh Hóa	738		738	UBND Thành Phố
16	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo hệ thống tiêu kênh Than huyện Tĩnh Gia	868		868	UBND huyện Tĩnh Gia
17	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm văn hóa tỉnh	932	932	0	Sở Xây dựng
18	Đường liên xã bản Na Tao, Pù Nhi đi bản Chai, Mường Chanh, Mường Lát	1.157		1.157	Sở GTVT Thanh Hóa
19	Tái định cư di dân Giải phóng mặt bằng đường 513	1.439		1.439	Ban QL Khu KTNS
20	Đường đông tây 4 - đoạn nối cảng nghi sơn	2.447	2.447		Ban QL Khu KTNS
21	Khu Tái định cư Tĩnh Hải	3.000		3.000	Ban QL Khu KTNS
22	Mở rộng đường 513 khu kinh tế Nghi Sơn	5.023		5.023	Ban QL Khu KTNS
23	Đường giao thông từ xã Hùng Sơn đi xã Phú Lâm	5.059		5.059	UBND huyện Tĩnh Gia
24	Đường bắc nam 1B (nối bắc nam 2 đến đường 513)	5.060		5.060	Ban QL Khu KTNS
25	Đường giao thông từ quốc lộ 1A vào khu du lịch Hải Hoà - Tĩnh Gia	5.316		5.316	UBND huyện Tĩnh Gia
26	Đường Bắc Nam 2 - Khu kinh tế Nghi Sơn	10.192	192	10.000	Ban QL Khu KTNS
27	Đường vành đai phía tây Thành phố Thanh Hoá	18.552	18.552	0	Sở GTVT Thanh Hóa
28	Đường giao thông từ Quốc lộ 47 đi đường Hồ Chí Minh thuộc địa bàn huyện Thọ Xuân	126.684	126.684	0	Sở GTVT Thanh Hóa